

Số: 1194/TB.MĐC-KHCN

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2015

THÔNG BÁO CỦA HIỆU TRƯỞNG
Về việc Tổ chức thi Olympic cấp Trường năm 2016

Kính gửi:

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

- Căn cứ “Quy chế NCKH của sinh viên trường Đại học Mỏ - Địa chất” ban hành theo Quyết định số 487/QĐ-MĐC ngày 08/05/2014;
- Căn cứ kế hoạch hàng năm về NCKH và thi Olympic trong sinh viên;
- Để động viên phong trào học tập trong sinh viên và thành lập đội tuyển thi Olympic Quốc gia năm 2016;

THÔNG BÁO:

1. Nhà trường tổ chức kỳ thi Olympic năm 2016 các môn cơ sở trong chương trình đào tạo của Nhà trường gồm:

- | | |
|-----------------|-------------------------------------|
| 1. Đại số | 8. Sức bền vật liệu |
| 2. Giải tích | 9. Cơ học đất |
| 3. Vật lý | 10. Thủy lực |
| 4. Hóa học | 11. Chi tiết máy |
| 5. Tin học | 12. Cơ sở lý thuyết mạch |
| 6. Cơ lý thuyết | 13. Tiếng Anh (K56; K57; K58+59+60) |
| 7. Hình họa | 14. Khoa học Mác - Lênin và TT HCM |

2. Thời gian tổ chức thi (dự kiến 01 ngày): ngày 13 tháng 3 năm 2016 (Chủ nhật) đồng thời tại Hà Nội và Vũng Tàu.

3. Đối tượng dự thi là sinh viên hệ đại học, cao đẳng đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đối với sinh viên đã có kết quả thi ở các học kỳ trước: điểm thi môn học đăng ký dự thi học kỳ gần nhất phải đạt điểm B (theo hệ tín chỉ) trở lên;
- Đối với sinh viên chưa có kết quả thi môn học đăng ký dự thi, nếu xét thấy đủ năng lực sinh viên có thể đăng ký tham dự kỳ thi Olympic cấp Trường. Giáo viên phụ trách môn học chịu trách nhiệm ký xác nhận vào bản danh sách đăng ký dự thi.
- Mỗi sinh viên chỉ được đăng ký dự thi 01 trong các môn thi trên.

4. Đoàn TNCS HCM Trường phối hợp với phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Quản sinh các Khoa động viên phong trào và thông báo rộng rãi đến từng sinh viên, hướng dẫn sinh viên đăng ký, lập danh sách thí sinh gửi về bộ môn có môn thi Olympic và gửi danh sách chính thức về **phòng KHCN trước ngày 21/01/2016**.

Đề nghị các đơn vị quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên; Ban Tổ chức;
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu KHCN, HCTH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Hải An

Số: **61** /TB-MĐC

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

THÔNG BÁO

Về việc Gia hạn thời gian đăng ký dự thi kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2016

Kính gửi:

Thực hiện kế hoạch KHCN năm 2016 của trường Đại học Mỏ - Địa chất về tổ chức kỳ thi Olympic cấp Trường và chuẩn bị cho việc thành lập các đội tuyển thi Olympic cấp Quốc gia năm 2016;

Căn cứ nghị quyết của cuộc họp Ban Tổ chức kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2016, ngày 29 tháng 02 năm 2016;

Nhằm thúc đẩy tinh thần học tập trong toàn Trường, Nhà trường quyết định gia hạn thời gian đăng ký dự thi Olympic cấp Trường **đến hết ngày 11 tháng 3 năm 2016**. Đoàn TNCS HCM Trường tiếp tục kết hợp cùng các lớp, các Liên chi đoàn các Khoa tuyên truyền, động viên các em sinh viên đăng ký tham dự kỳ thi Olympic cấp Trường theo nội dung các môn thi đã được thông báo trước đây. Đối các môn chưa có kết quả thi, các em sinh viên nếu xét thấy đủ năng lực dự thi có thể đăng ký tham gia (danh sách đăng ký phải được Giáo viên giảng dạy ký xác nhận).

Nhà trường yêu cầu các đơn vị có liên quan cần khẩn trương thực hiện ngay sau khi nhận được thông báo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTH, KHCN_(Nghiệp)



HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Thanh Hải

Số: **241** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thí sinh thi Olympic cấp Trường năm 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương V “Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên” quy định về việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 487/QĐ-MĐC, ngày 08/5/2014;

Theo đề nghị của Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường năm 2016; xét yêu cầu và nguyện vọng của sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép các thí sinh (có tên trong danh sách kèm theo) tham dự kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2016 gồm các môn: Đại số, Giải tích, Tin học, Vật lý, Hoá học, Sức bền vật liệu, Cơ học đất, Cơ lý thuyết, Thủy lực, Chi tiết máy, Khoa học Mác – Lênin và TT HCM, Hình họa, Tiếng Anh (3 mức độ) đồng thời ở 2 địa điểm Hà Nội và Vũng Tàu vào ngày 20/3/2016.

Điều 2. Giao cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường động viên, theo dõi việc tham dự thi và xử lý kỷ luật đối với các thí sinh bỏ thi không có lý do.

Điều 3. Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường, các đơn vị chức năng liên quan và các thí sinh có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, TCCB, KHCN(Nghiệp).



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Thanh Hải*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: CƠ HỌC ĐẤT

Phòng thi: D502

STT	Số BD	Họ và tên	Lớp	MSSV
1	C01	Nguyễn Tuấn Anh	ĐCCT A K57	1221020237
2	C02	Đỗ Thế Anh	XD CT Ngầm và Mỏ K57	1221070001
3	C03	Vũ Văn Chiêu	ĐCCT A K57	1221020252
4	C04	Đoàn Văn Chung	XD CT Ngầm và Mỏ K58	1321070428
5	C05	Chu Khắc Doanh	ĐCCT B K57	1221020020
6	C06	Đinh Văn Điệp	XD CT Ngầm và Mỏ K57	1221070003
7	C07	Bùi Quang Đức	XD CT Ngầm và Mỏ K58	1321070053
8	C08	Lê Văn Hiếu	XD Hạ tầng cơ sở K58	1321070067
9	C09	Phạm Xuân Hưng	XD DD CN B K58	1321070094
10	C10	Nguyễn Viết Mạnh	ĐCCT A K57	1221020096
11	C11	Nguyễn Bá Mạnh	ĐCCT A K57	1221020379
12	C12	Lê Quỳnh Như	ĐCCT A K57	1221020109
13	C13	Phạm Viết Sơn	ĐCCT A K57	1221020018
14	C14	Phan Ngọc Sơn	XD CT Ngầm B K58	1321070159
15	C15	Phạm Văn Thắng	XD CT Ngầm B K58	1321070180
16	C16	Đặng Văn Thành	XD Hạ tầng cơ sở K58	1321070174
17	C17	Nguyễn Xuân Thịnh	XD CT Ngầm và Mỏ K58	1321070661
18	C18	Vương Sỹ Thuận	XD Hạ tầng cơ sở K58	1321070185
19	C19	Lê Xuân Trường	ĐCCT A K57	1221020517
20	C20	Nguyễn Thị Vân	ĐCCT B K57	1221020543

(tổng số 20 thí sinh)



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: CƠ LÝ THUYẾT

Phòng thi: D302

TT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	X01	Phạm Thế Công	ĐCCT A K59	1421020026
2	X02	Đỗ Quang Đài	XD CT Ngầm và Mỏ K59	1421070229
3	X03	Đỗ Thành Đạt	KKT A K59	1421010078
4	X04	Hồ Minh Dương	XD CT Ngầm B K58	1321070475
5	X05	Nguyễn Hoàn Kiếm	LHD A K57	1221010183
6	X06	Nguyễn Xuân Lê	Khai thác G K56	1121040162
7	X07	Nguyễn Phượng Loan	LHD A K59	1421010184
8	X08	Lê Đình Lượng	ĐCA57	1221020094
9	X09	Nguyễn Đức Minh	KKT A K59	1421010203
10	X10	Đỗ Thị Hồng Nhung	KKT A K59	1421010234
11	X11	Nguyễn Duy Thái	Khai thác G K59	1421040242
12	X12	Nguyễn Minh Tiến	Tự động hóa B K59	1421060270
13	X13	Nguyễn Duy Toàn	Khai thác B K59	1421040295
14	X14	Nguyễn Thị Vân	XD Hạ tầng Cơ sở K58	1321070714

(tổng số 14 thí sinh)



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: CHI TIẾT MÁY

Phòng thi: D203

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	CT01	Nguyễn Công Bằng	Máy & TB Mỏ K56	1121060010
2	CT02	Nguyễn Thế Anh	Máy và tự động thủy khí K58	1321060009
3	CT03	Nguyễn Đình Cường	Máy và tự động thủy khí K58	1321060035
4	CT04	Nguyễn Văn Đức	Máy và tự động thủy khí K58	1321060084
5	CT05	Bùi Văn Hạnh	Máy và tự động thủy khí K58	1321060104
6	CT06	Đinh Hữu Huy	Máy và tự động thủy khí K58	1321060143
7	CT07	Nguyễn Huy Khánh	Máy & TB Mỏ K56	1121060081
8	CT08	Nguyễn Duy Luân	Máy và thiết bị mỏ K56	
9	CT09	Nguyễn Tiến Luật	Máy và tự động thủy khí K58	1321060176
10	CT10	Nguyễn Anh Quân	Máy và tự động thủy khí K58	1321060226
11	CT11	Nguyễn Trường Sơn	Máy & TB Mỏ K56	1121060126
12	CT12	Hoàng Văn Sơn	Máy và thiết bị mỏ K58	1321060141
13	CT13	Trần Đức Thanh	Máy và thiết bị mỏ K57	1221060426
14	CT14	Mã Văn Thành	Máy và thiết bị mỏ K57	1221060120
15	CT15	Trần Ngọc Tuấn	Máy và TB mỏ K56	1121060312

(tổng số 15 thí sinh)

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: ĐẠI SỐ

Phòng thi: D402

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	D01	Nguyễn Thị Minh Anh	MT K60	1521080090
2	D02	Hoàng Ngọc Tuấn Anh	Xây dựng B K60	521070164
3	D03	Ngô Thị Kim Ánh	MT K60	1521080077
4	D04	Vũ Mạnh Cường	Máy và Thiết bị mỏ K56	
5	D05	Nguyễn Văn Cường	Trắc địa B K59	1421050030
6	D06	Nguyễn Thị Thùy Dung	Kế toán B K60	1524010231
7	D07	Cao Văn Dũng	Tự động hóa A K58	1321060439
8	D08	Nguyễn Trọng Dũng	Xây dựng B K60	1521070103
9	D09	Dương Văn Đại	CTTT K4	CTTT 13210111
10	D10	Nguyễn Trung Đức	QTKD K60	1524010559
11	D11	Ngô Thị Giang	DCCTCT A K60	1521050099
12	D12	Trần Thị Hà	Kế toán B K60	1524010322
13	D13	Lê Thị Hào	Kế toán B K60	1524010307
14	D14	Phan Thị Hiền	MT K60	1521080141
15	D15	Đỗ thị hiền	Kế toán TT C K59	1424010045
16	D16	Đoàn Thị Hiền	Kế toán B K60	1524010224
17	D17	Trần Văn Hoàng	Kế toán B K60	1524010351
18	D18	Phạm Hiếu Học	Trắc địa G K58	1321030579
19	D19	Nguyễn Thị Huế	Tuyển Khoáng B K59	1421040122
20	D20	Trịnh Việt Hùng	QTKD K60	1524010435
21	D21	Võ Thị Hương	Kế toán C K59	1424010085
22	D22	Hoàng Thị Hường	Tin học Trắc địa K58	1321050100
23	D23	Nguyễn Quang Huy	MT K60	1521080026
24	D24	Phạm Doãn Huy	QTKD K60	1524010446
25	D25	Hoàng Quốc Huy	Dầu khí B K60	1521010223
26	D26	Đoàn Thị Huyền	MT K60	1521080171
27	D27	Tạ Thị Huyền	Trắc địa G K58	1321030632



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
28	D28	Ngô Phú Lâm	DCCTCT A K60	1521050416
29	D29	Trần Văn Liệu	Trắc địa G K58	1321030679
30	D30	Vũ Diệu Linh	Tin học Mỏ K59	1421050483
31	D31	Đỗ Quang Mạnh	DC B K60	1521020089
32	D32	Vũ Hoàng Mạnh	Xây dựng B K60	1521070152
33	D33	Nguyễn Đăng Minh	QTKD K60	1524010086
34	D34	Lê Văn Minh	Cơ điện A K60	1521060109
35	D35	Lê Huy Nghĩa	Xây dựng B K60	1521070315
36	D36	Nguyễn Ngọc Nguyên	Cơ – Điện C K60	1521060435
37	D37	Đỗ Văn Phong	KKT A K59	1421010239
38	D38	Kiều Đại Phú	Cơ – Điện B K60	1521060211
39	D39	Nguyễn Thị Út Phương	Kế toán B K60	1524010296
40	D40	Lê Đức Quân	CNTT K60	1521050455
41	D41	Nguyễn Thị Quyên	Tin học Trắc địa K59	1421050559
42	D42	Bùi Thị Quyên	NLK K57	1221020120
43	D43	Phạm Ngọc Quỳnh	CNTT B K60	1521050461
44	D44	Phan Ngọc Sơn	LHD A K57	1221010302
45	D45	Nguyễn Quang Thọ	DCCTCT B K60	1521050225
46	D46	Đoàn Văn Thịnh	Xây dựng A K60	1521070064
47	D47	Phan Quang Thuận	Xây dựng B K60	1521070371
48	D48	Lê Đức Thuyền	CNTT B K60	1521050488
49	D49	Lê Hà Trang	Kế toán A K60	1524020307
50	D50	Mai Huy Tú	Dầu Khí B K60	1521010225
51	D51	Phạm Văn Tuấn	Xây dựng B K60	521070403
52	D52	Trần Văn Tuyển	Điện – Điện tử K58	1321060671
53	D53	Nguyễn Đình Vinh	Xây dựng B K60	521070117
54	D54	Nguyễn Thị Xuân	Quản Trị A K59	1424010634
55	D55	Phạm Thảo Yến	Kế toán TT C K59	1424010216

(tổng số 55 thí sinh)



Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi : **TIẾNG ANH K56+57+58**

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv
1	N01	Trần Huy Hoàng	KKT K57	1221011137
2	N02	Vũ Hồng Long	KKT K58	1321011071
3	N03	Phạm Hoàng Kim	KKT K57	1221011040

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi : **TIẾNG ANH K59**

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv
1	N04	Đặng Công Bảo	LHD K59	1421011018
2	N05	Lê Thành Đạt	LHD K59	1421011076
3	N06	Trần Đình Đức	KKT K59	1421011094
4	N07	Nguyễn Thị Phương	LHD K59	1421011279

(tổng số 04 thí sinh)

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi : **TIẾNG ANH K60**

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv
1	N08	Phan Ngọc Duy	60B	1521011027

(tổng số 01 thí sinh)

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi : **KHOA HỌC MÁC – LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM**

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv
1	M01	Đỗ Kim Chi	LHD K59	1421011032

(tổng số 01 thí sinh)

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: SỨC BỀN VẬT LIỆU

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv
1	SB01	Nguyễn Văn Bình		1421011024
2	SB02	Phan Chánh		1421011031
3	SB03	Nguyễn Lê Lý Điện		1421011080
4	SB04	Lê Tấn Đức		1421011086
5	SB05	Trần Văn Đức	KKT K57	1221011224
6	SB06	Nguyễn Long Hải		1421011107
7	SB07	Nguyễn Văn Hải		1421011110
8	SB08	Hà Thị Thúy Hằng		1321011030
9	SB09	Đặng Hữu Hiền		1421011117
10	SB10	Nguyễn Duy Hiếu		1421011121
11	SB11	Vũ Đình Hiếu		1421011128
12	SB12	Nguyễn Mạnh Hùng		1421011145
13	SB13	Nguyễn Đăng Vũ Huy		1421011153
14	SB14	Nguyễn Thành Huy		1421011156
15	SB15	Vũ Thị Thu Huyền		1421011159
16	SB16	Đỗ Thành Hưng		1321011051
17	SB17	Hoàng Văn Hưng		1421011163
18	SB18	Nguyễn Phúc Khánh		1321011056
19	SB19	Phạm Vinh Khoa		1421011181
20	SB20	Huỳnh Văn Ky		1421011188
21	SB21	Nguyễn Đak Lay		1421011190
22	SB22	Lê Thị Kim Linh		1421011201
23	SB23	Bùi Thị Loan	LHD K59	1421011134
24	SB24	Lê Xuân Mong	KKT K58	1321011076
25	SB25	Đậu Thị Nga		1421011243
26	SB26	Nguyễn Võ Văn Nguyên		1321011082
27	SB27	Vũ Đình Ninh		1421011265
28	SB28	Nguyễn Minh Phúc		1321011186
29	SB29	Phạm Huy Quỳnh		1421011290
30	SB30	Ngô Văn Sơn		1421011294
31	SB31	Bùi Thanh Tài		1421011300
32	SB32	Trịnh Thị Phương Thảo		1421011319
33	SB33	Nguyễn Tuấn Thiên	KKT K57	1221011077
34	SB34	Trần Văn Thịnh		1421011331

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv
35	SB35	Nguyễn Cao Tí		1421011348
36	SB36	Nguyễn Văn Tiến		1421011436
37	SB37	Nguyễn Nhật Tiến		1421011352
38	SB38	Võ Huỳnh Tín		1421011353
39	SB39	Bùi Thị Kiều Trinh		1421011375
40	SB40	Nguyễn Sĩ Tình		1421011356
41	SB41	Nguyễn Thị Thanh Tú		1421011394
42	SB42	Phạm Ngọc Tuấn		1421011403
43	SB43	Phan Thị Hồng Vy		1421011430

(tổng số 43 thí sinh)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv
1	VL01	Nguyễn Hữu Hạnh	KKT K59	1421011114

(tổng số 01 thí sinh)

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv
1	HH01	Trần Văn Khánh	LHD K58	1321011058
2	HH02	Đinh Văn Nam	LHD K58	1421011239

(tổng số 02 thí sinh)

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: GIẢI TÍCH

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv
1	CLT1	Lê Minh Chiến	60B	1521011112
2	CLT2	Bùi Duy Chương	60B	1521011113
3	CLT3	Phạm Hồng Đức	60B	1521011126
4	CLT4	Lê Văn Lâm	LHD K58	1321011063
5	CLT5	Nguyễn Thành Lâm	LHD K58	1321011064
6	CLT6	Vũ Văn Thành	LHD K59	1421011315
7	CLT7	Nguyễn Đức Thắng	LHD K59	1421011324

(tổng số 07 thí sinh)

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: THỦY LỰC

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv
1	TL1	Nguyễn Thị Hương Nhi	TĐH K59	1411011257

(tổng số 01 thí sinh)

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: GIẢI TÍCH

Phòng thi: D303

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	G01	Trần Thị Ngọc Anh	Địa chính A K59	1421030269
2	G02	Đinh Văn Cường	KKT B K57	1221010053
3	G03	Lê Thọ Dương	ĐCTVB K59	1421020277
4	G04	Nguyễn Khắc Duy	CTTT K4	CTTT 13210119
5	G05	Nguyễn Đình Đức	Dầu khí A K60	1521010107
6	G06	Nguyễn Thị Thu Hiền	Dầu khí A K60	1521010099
7	G07	Đào Văn Hiệp	ĐCCTA K57	1221020059
8	G08	Trần Thị Hiệp	Trắc địa B K59	1421030067
9	G09	Trần Trung Hiếu	ĐCA K58	1321020099
10	G10	Nguyễn Đăng Hoàn	Tự động hóa B K59	1421060423
11	G11	Vũ Xuân Hùng	Dầu khí A K60	1521010005
12	G12	Mai Văn Hưng	Khai thác D K59	1421040138
13	G13	Bùi Thị Thu Huyền	Kế toán B K60	1524010184
14	G14	Nguyễn Ngọc Khánh	Trắc địa B K59	1421030110
15	G15	Võ Tá Khuê	Dầu Khí B K60	1521010167
16	G16	Phạm Thị Trà Mai	ĐCTV B K58	1321020622
17	G17	Vũ Tiến Mạnh	KKT A K59	1421010199
18	G18	Phạm Văn Mạnh	Xây dựng A K60	1521070044
19	G19	Lê Văn Nam	Bản đồ K59	1421030
20	G20	Hoàng Bá Phúc	Xây dựng A K60	1521070011
21	G21	Tạ Văn Quyết	ĐC A K57	1221020442
22	G22	Nguyễn Thị Thanh Soan	ĐC B K60	1521020285
23	G23	Nguyễn Trung Thành	MT K60	1521080246
24	G24	Phạm Thị Thao	Kế toán A K59	1421020566
25	G25	Tạ Đức Thịnh	Dầu khí A K60	1521010159



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
26	G26	Nguyễn Tiến Thọ	Cơ – Điện B K60	1521060233
27	G27	Giang Thị Thoa	Trắc địa C K58	1321030279
28	G28	Nguyễn Công Toán	DCCTCT A K60	1521050491
29	G29	Trần Đình Toàn	DCCTCT A K60	1521050493
30	G30	Cao Văn Trung	Tin học Trắc địa K59	1421050667
31	G31	Lại Đức Trường	Trắc địa A K60	1521030336
32	G32	Lê Huy Văn	Trắc địa A K57	1221030481
33	G33	Mạc Tuấn Vũ	ĐCCT A K58	1321020810

(tổng số 33 thí sinh)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: HÌNH HỌA

Phòng thi: D403

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	HH01	Nguyễn Trúc Anh	Khai thác G K59	1421040006
2	HH02	Trương Viết Năm Anh	ĐCTV B K58	1321020014
3	HH03	Nguyễn Thị Mai Anh	KTMT B K59	1421080004
4	HH04	Trần Xuân Ba	ĐCCT B K58	1321020017
5	HH05	Đặng Thanh Bình	LHD A K58	1321010037
6	HH06	Lê Quang Chung	XDCT Ngầm và Mỏ K57	1221070019
7	HH07	Trần Hùng Diện	ĐC A K57	1221020261
8	HH08	Nguyễn Văn Đoàn	XD Hạ tầng cơ sở K59	1421070034
9	HH09	Nguyễn Thị Hoa Hồng	QTKD B K58	1324010515
10	HH10	Trần Văn Hưng	KKT A K57	1221010167
11	HH11	Nguyễn Thị Linh	LHD A K57	1221010211
12	HH12	Đặng Thị Mỹ Linh	LHD A K58	1321010208
13	HH13	Nguyễn Đình Sáng	Khai thác C K57	1221040206
14	HH14	Nguyễn Thị Thắm	ĐCCT B K58	1321020202
15	HH15	Nguyễn Duy Thương	Trắc địa C K58	1321030883
16	HH16	Nguyễn Văn Tiếp	Máy và thiết bị mỏ K58	1321060310
17	HH17	Trần Minh Tuyên	Khai thác A K59	1421040564

(tổng số 17 thí sinh)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: **HÓA HỌC**

Phòng thi: **D503**

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	H01	Trịnh Huy An	XD CT Ngầm và Mỏ K59	1421070148
2	H02	Trần Thị Lan Anh	Địa chính B K58	1321030011
3	H03	Lê Tuấn Anh	LHD B K59	1421010012
4	H04	Bùi Tuấn Anh	LHD B K59	1421010005
5	H05	Nguyễn Văn Cường	Lọc Hóa dầu A K58	1321010056
6	H06	Phạm Văn Cường	Máy và Thiết bị mỏ K58	1321060043
7	H07	Nguyễn Văn Đạt	NLK K57	1221020038
8	H08	Nguyễn Đình Đức	Lọc Hóa dầu A K58	1321010115
9	H09	Phạm Thị Hạnh	Kế toán A K58	1324010085
10	H10	Đào Thị Hằng	ĐC A K58	1321020527
11	H11	Cao Thị Thu Hiền	LHD B K59	1421010108
12	H12	Nguyễn Quý Hoàng	LHD A K57	1221010144
13	H13	Nguyễn Thị Huế	DCCTCT A K60	1521050385
14	H14	Đoàn Thị Hương	Kế toán D	1424010388
15	H15	Nguyễn Xuân Huy	CTTT K5	CTTT 14210106
16	H16	Đào Văn Khánh	LHD B K59	1421010163
17	H17	Đào Việt Kiêm	Tuyển khoáng B K57	1221040407
18	H18	Nguyễn Ngọc Linh	KTMT B K59	1421080057
19	H19	Phạm Thị Phương Loan	Tuyển khoáng A K57	1221040150
20	H20	Lương Cao Luận	Khai thác C K59	1421040175
21	H21	Nguyễn Bá Mạnh	Lọc Hóa dầu A K58	1321010225
22	H22	Đinh Xuân Minh	Quản trị C	1424010123
23	H23	Nguyễn Văn Ngọc	LHD A K59	1421010222
24	H24	Nguyễn Văn Phong	LHD B K57	1221010265



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
25	H25	Nguyễn Minh Phương	CTTT K5	CTTT 14210133
26	H26	Vũ Hoài Sơn	Lọc Hóa dầu A K58	1321010298
27	H27	Phạm Thị Mai Thanh	Kế toán D	1424010526
28	H28	Lê Hữu Thành	LHD A K59	1421010294
29	H29	Phạm Đình Thảo	LHD B K59	1421010306
30	H30	Nguyễn Hà Trang	Lọc Hóa dầu A K58	1321010367
31	H31	Đoàn Bá Tráng	Xây dựng A K60	1521070378
32	H32	Nguyễn Thành Trung	Kế Toán A K59	1424010604
33	H33	Đào Xuân Trường	Dầu khí A K60	1521010346
34	H34	Nguyễn Anh Tuấn	LHD B K59	1421010367
35	H35	Nguyễn Thị Tuyết	Quản trị C	1424010208

(tổng số 35 thí sinh)



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016
Môn thi: KHOA HỌC MÁC – LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM
Phòng thi: D403

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	M01	Bùi Thị Hồng Anh	ĐCCT A K59	1421020003
2	M02	Phan Thế Anh	GIS K59	1321030009
3	M03	Đặng Văn Chiến	GIS K57	1221030013
4	M04	Nguyễn Thị Thúy Chinh	GIS K59	1421030016
5	M05	Nguyễn Bá Dương	Khai thác B K57	1221040046
6	M06	Nguyễn Thị Dương	Trắc địa B K57	1221030029
7	M07	Vũ Văn Đáng	ĐCCT B K59	1421020035
8	M08	Hoàng Thị Đào	Kế toán B K59	1424010277
9	M09	Phạm Trường Giang	CTTT K5	CTTT 14210146
10	M10	Đinh Đức Hạnh	ĐCCT B K59	1421020338
11	M11	Bùi Công Hạnh	Mỏ - Công trình K57	1221030047
12	M12	Hoàng Thị Hoài	Trắc địa A K57	1221030066
13	M13	Đặng Hữu Hưng	Trắc địa B K57	1221030068
14	M14	Tổng Thị Hưng	Trắc địa B K57	1221030152
15	M15	Trịnh Quốc Huy	Mỏ - Công trình K57	1221030076
16	M16	Vũ Thị Lan	KTMT B K58	1321080466
17	M17	Nguyễn Tuấn Linh	QTKD B K58	1324010163
18	M18	Hoàng Hữu Long	ĐCCTB56	1121020305
19	M19	Bùi Văn Long	Mỏ - Công trình K57	1221030096
20	M20	Tăng Văn Luyện	ĐVL K59	1421010188
21	M21	Lường Bá Nam	ĐCTV B K58	1321020640
22	M22	Nguyễn Bùi Minh Ngọc	LHD A K57	1221010248
23	M23	Trần Thị Nhung	Bản đồ K59	1421030149
24	M24	Lê Thị Sanh	Khai thác G K59	1421040230
25	M25	Đặng Thị Hương Thảo	KTMT B K59	1421080108
26	M26	Hoàng Thăng Thắng	ĐCCT B K59	1421020575
27	M27	Lý Thị Thủy	Trắc địa B K57	1221030152



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
28	M28	Đỗ Quý Tông	XDDD K57	1221070294
29	M29	Trần Thị Việt	Kế toán B K58	1324010759
30	M30	Đoàn Thị Yến	Bản đồ K57	1221030492

(tổng số 30 thí sinh)



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: SỨC BỀN VẬT LIỆU

Phòng thi: D502

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	S01	Nguyễn Tuấn Anh	KKT A K57	1221010005
2	S02	Phạm Văn Dương	XD HTCS K59	1421070027
3	S03	Vũ Quang Đông	TBDK K58	1321010113
4	S04	Nguyễn Đức Đường	XD CT Ngầm B K58	1321070056
5	S05	Nguyễn Huy Hải	Máy và Thiết bị mỏ K58	1321060099
6	S06	Nguyễn Văn Hoàng	Tuyển Khoáng A K57	1221040101
7	S07	Nguyễn Văn Hưng	XD CT Ngầm và Mỏ K59	1421070327
8	S08	Nguyễn Thành Lâm	Máy và Thiết bị mỏ K56	1121060236
9	S09	Đặng Thanh Lâm	KTD K58	1321010203
10	S10	Nguyễn Thị Liên	Tuyển khoáng B K58	1321040512
11	S11	Phạm Duy Long	ĐCCTA58	1321020611
12	S12	Tạ Đình Nam	XD Hạ tầng cơ sở K59	1421070395
13	S13	Nguyễn Minh Ngọc	KKT B K57	1221010249
14	S14	Đặng Thị Huyền Nương	ĐCTV A K58	1321020160
15	S15	Đỗ Đăng Quyết	XD CT Ngầm B K58	1321070156
16	S16	Bùi Văn Tám	KKT B K58	1321010303
17	S17	Trương Đình Tiếp	XD HTCS K59	1421070485
18	S18	Đoàn Thị Trang	Tuyển khoáng B K58	1321040296
19	S19	Trần Văn Tú	TBDK K57	1221010385
20	S20	Nguyễn Thanh Tùng	XD Hạ tầng cơ sở K57	1221070169



21	S21	Nguyễn Bá Tuyên	XD DD CN B K58	1321070709
22	S22	Nguyễn Thị Hải Yến	Tuyển khoáng B K58	1321040336
23	S23	Nguyễn Xuân Lập	XD CT Ngầm A K58	1321070564

(tổng số 23 thí sinh)



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: TIẾNG ANH K56+57+58

Phòng thi: D201

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	N01	Nguyễn Đức Tuấn Anh	Tin học Địa chất K58	1321050149
2	N02	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ĐCCT B K56	1121020237
3	N03	Trần Thị Lan Anh	Trắc địa B K57	1221030240
4	N04	Mai Thị Ngọc Anh	Địa chính B K58	1321030409
5	N05	Nguyễn Thị Hải Anh	ĐVL K58	1321010011
6	N06	Đặng Ngọc Anh	ĐCD K58	1321020402
7	N07	Ngô Công Tuấn Anh	KKT B K58	1321010007
8	N08	Nguyễn Hồng Anh	KKT B K58	1321010010
9	N09	Trần Ngọc Ánh	ĐC B K58	1321020423
10	N10	Nguyễn Tất Bách	CTTT K3	12210103
11	N11	Đào Duy Bảo	Địa chính K57	1221030248
12	N12	Nguyễn Tuấn Bảo	Địa chính B K58	1321030427
13	N13	Vũ Xuân Bắc	Máy và thiết bị mỏ - K58	1321060023
14	N14	Nguyễn Linh Chi	KTMT A K58	1321080008
15	N15	Phan Thị Chinh	ĐC B K58	1321020027
16	N16	Phạm Xuân Nam Chính	Mạng Máy tính K58	1321050434
17	N17	Phạm Ngô Anh Cường	Tin học Địa chất K58	1221050149
18	N18	Nguyễn Thế Cường	KKT A K57	1221010057
19	N19	Phạm Hùng Cường	TBDK K57	1221010059
20	N20	Phạm Văn Duy	Khai thác A K57	1221040041
21	N21	Lê Văn Đại	KKT B K58	1321010095
22	N22	Nguyễn Quang Đăng	ĐCTVA58	1321020472
23	N23	Lê Thành Đô	ĐVL K58	1321010107
24	N24	Đặng Tiến Đông	KKT B K58	1321010109
25	N25	Nguyễn Trọng Đức	QTKD A K58	1324010454
26	N26	Nguyễn Đình Đức	ĐCCT B K58	1321020497
27	N27	Trương Anh Đức	ĐCD K56	1021020076
28	N28	Đoàn Mạnh Hà	ĐCTV A K57	1221010115
29	N29	Nguyễn Việt Hà	Kế Toán A K58	1324010465
30	N30	Trần Nam Hải	Mạng Máy tính K58	1321050513
31	N31	Nguyễn Thị Hằng	ĐST&CNMT K57	1221080021
32	N32	Nguyễn Thị Hoài	QTKD C K58	1324010109

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
33	N33	Đinh Ngọc Hùng	XD DD CN B K58	1321070521
34	N34	Vũ Quốc Hùng	ĐCD K56	1121060223
35	N35	Nguyễn Việt Hưng	CTTT K3	12210109
36	N36	Phạm Thị Hương	ĐCCT B K58	1321020122
37	N37	Trần Thị Hương	Bản đồ K57	1221030286
38	N38	Vũ Thị Thanh Hương	CTTT K4	CTTT 13210130
39	N39	Trương Thị Thu Hương	Kế toán G K58	1324010134
40	N40	Nguyễn Đăng Quang Huy	GIS K58	1321030097
41	N41	Phạm Thị Thanh Huyền	Trắc địa B K57	1221030077
42	N42	Vũ Quốc Khánh	Công nghệ phần mềm K57	1221050262
43	N43	Ngô Văn Khuê	KKT B K56	1121010189
44	N44	Nguyễn Hồng Kiên	KKT A K57	1221010185
45	N45	Phạm Tuấn Kiệt	Tuyển khoáng B K57	1221040139
46	N46	Đoàn Thảo Liên	ĐVL K56	1121010202
47	N47	Vũ Bảo Linh	Kế toán G K58	1321040156
48	N48	Vũ Bá Trường Linh	KTMT A K58	1321050109
49	N49	Nguyễn Bảo Long	LHD A K58	1324010572
50	N50	Phạm Thị Lưu Ly	Tin học Kinh tế K58A	1321050630
51	N51	Phạm Thị Minh	Kế toán C K57	1224010182
52	N52	Bùi Ngọc Nam	CTTT K3	12210117
53	N53	Nguyễn Hoài Nam	Địa chính B 58	1321060196
54	N54	Phạm Thị Nga	CTTT K2	CTTT 11210116
55	N55	Vũ Bích Ngọc	KTMT K57	1221030369
56	N56	Hoàng Thị Nhạn	QTKD B K58	1324010617
57	N57	Đoàn Thị Kiều Nhung	KTMT K57	1221080053
58	N58	Ngô Văn Phú	Máy và thiết bị mỏ - K56	1121060263
59	N59	Nguyễn Mạnh Phúc	ĐC B K58	1321020163
60	N60	Lê Thị Phương	Kế toán B K58	1324010224
61	N61	Phạm Đức Quang	QTKD C K58	1324010239
62	N62	Hoàng Văn Quang	KKT B K58	1321010280
63	N63	Tieng Rathnak	Khai thác A K56	1121040457
64	N64	Phan Thái Sơn	KKT B K58	1321010295
65	N65	Lương Thị Hồng Thắm	KTMT K57	1221080068
66	N66	Cần Trung Thành	KKT A K58	1321010312
67	N67	Ngô Bá Thao	KKT B K57	1221010320
68	N68	Trần Vĩnh Thọ	Địa chính K57	1221030426
69	N69	Phạm Bình Thuận	ĐCTV A K57	1221020480

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
70	N70	Nguyễn Thị Minh Thuý	QTKD A K58	1324010711
71	N71	Đinh Thu Thủy	ĐST&CNMT 57	1221080074
72	N72	Bùi Minh Tiến	ĐVL K56	1121010341
73	N73	Đặng Văn Tình	KTD K58	1321010361
74	N74	Vũ Văn Tình	ĐCCT B K58	1321020755
75	N75	Tô Hữu Thắng	CTTT K3	12210122
76	N76	Nguyễn Đức Thắng	CTTT K3	12210132
77	N77	Phan Thị Trang	ĐCTV A K58	1321020107
78	N78	Phạm Quỳnh Trang	ĐVL K58	1321010371
79	N79	Nguyễn Quang Trung	CTTT K3	12210127
80	N80	Nguyễn Đình Tuấn	Tin học Địa chất K58	1321050212
81	N81	Nguyễn Minh Tuấn	Tự Động Hóa B K56	1121060164
82	N82	Trần Quang Tuấn	Trắc địa A K58	1321030145
83	N83	Phạm Minh Tuấn	CTTT K3	CTTT 12210124
84	N84	Hoàng Văn Tuấn	CTTT K3	12210125
85	N85	Phạm Mạnh Tùng	Khai thác G K57	1221040462
86	N86	Vũ Sơn Tùng	ĐCCT B K56	1121020232
87	N87	Nguyễn Văn Tùng	GIS K57	1221030447
88	N88	Nguyễn Thị Vân	ĐCD K56	1121010398
89	N89	Cao Đình Vũ	XD Hạ tầng Cơ sở K58	1321070722
90	N90	Vũ Trọng Vững	GIS K57	1221030483

(tổng số 90 thí sinh)



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: TIẾNG ANH K59

Phòng thi: D101

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	N82	Trần Quốc Anh	CTTT K5	CTTT 14210101
2	N83	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	CTTT K5	CTTT 14210141
3	N84	Nguyễn Thành Công	CTTT K5	CTTT 14210103
4	N85	Nguyễn Thu Hà	ĐCCTA59	1421020049
5	N86	Ngô Công Hậu	CTTT K5	CTTT 14210135
6	N87	Ngô Văn Hiếu	CTTT K5	CTTT 14210166
7	N88	Nguyễn Văn Hòa	ĐCCTA59	1421020067
8	N89	Đoàn Thị Khánh Hòa	CTTT K5	CTTT 14210148
9	N90	Nguyễn Minh Hoàng	ĐVL K59	1421030080
10	N91	Đỗ Thị Hương	Mỏ công trình 59	1421030101
11	N92	Vũ Linh	Trắc địa A 59	1421030433
12	N93	Nguyễn Diệu Linh	CTTT K5	CTTT 14210109
13	N94	Phạm Thúy Nga	CTTT K5	CTTT 14210158
14	N95	Hoàng Thị Minh Ngọc	CTTT K5	CTTT 14210117
15	N96	Ngô Hồng Phong	CTTT K5	CTTT 14210118
16	N97	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Công nghệ phần mềm K59B	1421050567
17	N98	Ngô Trung Sơn	Trắc địa A 59	1421030800
18	N99	Nguyễn Duy Dương Thanh	CTTT K5	CTTT 14210123
19	N100	Nguyễn Thị Phương Thảo	ĐCCTA59	1421020570



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
20	N101	Nguyễn Thị Thanh Thu	Kế Toán B 59	1424010522
21	N102	Đoàn Thị Thu Vân	CTTT K5	

(tổng số 21 thí sinh)



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: TIẾNG ANH K60

Phòng thi: D101

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	N142	Lê Thị Ngọc Ánh	CNTT B - K60	1521050524
2	N143	Đinh Thị Huyền Chang	KẾ TOÁN B K60	1524010293
3	N144	Phan Anh Dũng	CTTT K6	1521090030
4	N145	Trần Mạnh Duy	CTTT K6	1521090011
5	N146	Nguyễn Tùng Dương	ĐCB60	1521020171
6	N147	Đinh Tùng Dương	CTTT K6 – N2	1521090031
7	N148	Phạm Văn Đại	CTTT K6 – N2	1521090001
8	N149	Nguyễn Minh Đức	ĐCB60	1521020115
9	N150	Nguyễn Trường Giang	Dầu Khí B K60	1521010319
10	N151	Bùi Phương Hà	KẾ TOÁN B K60	1524010323
11	N152	Lê Quang Hải	ĐCB60	1521020108
12	N153	Bùi Thị Hằng	KẾ TOÁN B K60	1524010347
13	N154	Bùi Mạnh Hùng	CTTT K6 – N2	1521090338
14	N155	Trương Mạnh Hùng	CTTT K6	1521090004
15	N156	Lê Minh Hùng	CTTT K6	1521090338
16	N157	Phạm Thị Huyền	CTTT K6	1521090010
17	N158	Đặng Thị Mai Linh	CNTT B - K60	1521050536
18	N159	Đỗ Đức Long	CTTT K6 – N2	1521090050
19	N160	Nguyễn Thành Long	CTTT K6	1521090051
20	N161	Bùi Nguyễn Thành Long	CTTT K6	1521090015
21	N162	Trịnh Việt Long	CTTT K6 – N2	1521090013
22	N163	Trần Minh	CTTT K6	1521090009
23	N164	Nguyễn Thị Hồng Minh	KẾ TOÁN B K60	1524010300
24	N165	Nguyễn Thị Thúy Ngân	CTTT K6	1521090227



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
25	N166	Nguyễn Thị Bích Ngọc	KẾ TOÁN B K60	1524010295
26	N167	Lê Thị Ánh Nguyệt	KẾ TOÁN B K60	1524010346
27	N168	Lê Thanh Nhân	Dầu Khí B K60	1521010318
28	N169	Đỗ Thị Phương Oanh	KẾ TOÁN B K60	1524010294
29	N170	Nguyễn Đức Tâm	CTTT K6 – N2	1521090062
30	N171	Bùi Mai Phương Thảo	CTTT K6	1521090014
31	N172	Đặng Thị Ngọc Thúy	CTTT K6	1521090050
32	N173	Bùi Thu Thúy	CTTT K6 – N2	1521090223
33	N174	Nguyễn Thị Thanh Thư	KẾ TOÁN B K60	1524010340
34	N175	Nguyễn Trung Tiến	CTTT K6	1521090092
35	N176	Hoàng Thị Thu Trang	ĐCB60	1521020063
36	N177	Hoàng Thị Quỳnh Trang	CTTT K6	1521090002
37	N178	Phạm Minh Trí	ĐCB60	1521020381
38	N179	Đỗ Thanh Tuấn	CTTT K6	1521090006
39	N180	Đỗ Mạnh Tùng	CTTT K6	1521090016
40	N181	Nguyễn Đình Tùng	CTTT K6 – N2	1521090287
41	N182	Lý Trường Tùng	CTTT K6 – N2	1521090069
42	N183	Nguyễn Khắc Tuyền	CTTT K6 – N2	1521090003
43	N184	Nguyễn Quang Tường	CTTT K6	1521090012
44	N185	Ngô Quốc Việt	CTTT K6 – N2	1521090070
45	N186	Trần Tuấn Việt	ĐCB60	1521020110

(tổng số 45 thí sinh)



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: TIN HỌC

Phòng thi: C501

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	T01	Đỗ Thị Lan Anh	QTKD K60	1524010105
2	T02	Phạm Văn Bình	Khai thác C K59	1421040020
3	T03	Hoàng Văn Chiến	Công nghệ phần mềm B K59	1421050024
4	T04	Đồng Xuân Duy	Tin học Mỏ K59	1421050326
5	T05	Phan Hồng Duy	Dầu khí B K60	1521010169
6	T06	Nguyễn Thái Đại	Tin học Trắc địa K58	1321050476
7	T07	Nguyễn Hữu Đạt	Kế toán B K60	1524010236
8	T08	Trần Văn Đồng	Công nghệ phần mềm B K59	1421050355
9	T09	Nguyễn Thị Thu Hà	QTKD K60	1524010401
10	T10	Hoàng Thị Thu Hà	Kế toán B K60	1524010247
11	T11	Lê Đình Hải	Công nghệ phần mềm K57	1221050202
12	T12	Nguyễn Văn Hưng	Công nghệ phần mềm A K59	1421050439
13	T13	Nguyễn Đức Huy	Công nghệ Phần mềm A K58	1321050090
14	T14	Dương Trung Kiên	Công nghệ phần mềm K57	1221050058
15	T15	Hoàng Mạnh	DCCTCT A K69	1521050426
16	T16	Nguyễn Đức Mạnh	Công nghệ phần mềm K57	1221050298
17	T17	Bùi Văn Phúc	Tin học Kinh tế A K58	1321050654
18	T18	Vũ Mạnh Quang	Công nghệ phần mềm B K58	1321050670
19	T19	Lê Đình Quý	Bản đồ K57	1221030395
20	T20	Nguyễn Phi Thắng	Trắc địa B K57	1221030425
21	T21	Trương Hải Thành	Tin học Kinh tế B K58	1321050794
22	T22	Văn Tiến Thành	Tin học Địa chất K59	1421050186
23	T23	Nguyễn Thị Huyền Trang	QTKD K60	1524010535
24	T24	Đào Văn Trung	Trắc địa B K57	1221030173
25	T25	Trần Trọng Trường	Tin học Trắc địa K59	1421050221

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
26	T26	Phạm Anh Tuấn	Công nghệ phần mềm B K59	1421050690
27	T27	Nguyễn Anh Vinh	ĐCCT A K58	1321020808
28	T28	Thái Bá Vũ	KKT B K57	1221010243

(tổng số 28 thí sinh)



Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi: THỦY LỰC

Phòng thi: D302

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	TL01	Nguyễn Thị Lan Anh	Tuyển khoáng A K57	1221040008
2	TL02	Đinh Minh Cường	Khai thác G K57	1221040032
3	TL03	Trịnh Văn Cường	Tự động hóa A K59	1421060354
4	TL04	Nguyễn Thị Duyên	ĐCCT B K57	1221020278
5	TL05	Lê Đức Đạt	Khai thác G K58	1321040460
6	TL06	Phạm Tiến Đạt	Khai thác D K58	1321040463
7	TL07	Nguyễn Ngọc Định	KKT A K57	1221010099
8	TL08	Nguyễn Anh Đức	XD CT Ngầm và Mỏ K59	1421070038
9	TL09	Nguyễn Thị Hoàng Giang	ĐCTV B K57	1221020282
10	TL10	Nguyễn Văn Giang	Khai thác D K58	1321040079
11	TL11	Trần Văn Hải	KKT B K58	1321010139
12	TL12	Bùi Thị Hằng	ĐCTV B K57	1221020284
13	TL13	Dương Trọng Hiếu	Khai thác A K57	1221040087
14	TL14	Bùi Thanh Hoan	KKT A K57	1221070057
15	TL15	Phạm Thị Oanh	Tuyển khoáng A K58	1321040201
16	TL16	Lê Ngọc Đình Phan	Tự động hóa B K59	1421060205
17	TL17	Nguyễn Duy Quang	Khai thác G K57	1221040196
18	TL18	Nguyễn Quang Quân	Khai thác G K58	1321040218
19	TL19	Trần Thị Quyên	ĐCCT B K57	1221020121
20	TL20	Võ Văn Thực	Máy và TB Mỏ K57	1221060137
21	TL21	Hoàng Tùng	TBDK K58	1321010403



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
22	TL22	Hoàng Trọng Vọ	KKT A K57	1221010420
23	TL23	Vũ Thùy Xuân	Tuyển khoáng A K58	1321040616

(tổng số 23 thí sinh)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
=====*****=====

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016

Môn thi : VẬT LÝ

Phòng thi: D503

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV
1	L01	Lê Việt Anh	Khai thác B K57	1221040005
2	L02	Đỗ Thị Lan Anh	Bản đồ K59	1421030002
3	L03	Phạm Tuấn Anh	Mỏ A K60	1521040192
4	L04	Nguyễn Văn Cường	XD DD CN B K58	1321070438
5	L05	Dương Hùng Cường	ĐVL K57	1221010044
6	L06	Nguyễn Văn Hiện	DCCTCT A K60	1521050373
7	L07	Nguyễn Văn Huynh	KKT A K57	1221010161
8	L08	Phạm Đức Long	Xây dựng A K60	1521070300
9	L09	Dương Thị Thúy Nga	LHD A K59	1421010216
10	L10	Trần Thị Ngát	Bản đồ K58	1321030163
11	L11	Nguyễn Viết Phụng	KKT A K57	1221010271
12	L12	Phạm Đức Thắng	Tự động hóa A K57	1221060418
13	L13	Tào Thị Thu	KTMT A K59	1421080074
14	L14	Trần Văn Tiệp	Trắc địa A 59	1421030577
15	L15	Phan Công Triển	Trắc địa A K57	1221030172
16	L16	Hoàng Đình Vương	KKT A K57	1221010425
17	L17	Đỗ Đức Vượng	Kỹ thuật điện – Điện tử K58	1321060350

(tổng số 17 thí sinh)

Số: **564** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **19** tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen, thưởng cho sinh viên đạt giải
tại kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-MĐC ngày 26/5/2014 về việc ban hành "Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ kết quả tổ chức kỳ thi Olympic cấp Trường và Nghị quyết cuộc họp xét giải thưởng Olympic cấp Trường năm 2016, ngày 11/4/2016;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường, các ông (bà) Trưởng phòng KHCN và Trưởng phòng Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen cho các sinh viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba tại kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2016.

Điều 2. Trích 15.900.000đ (mười lăm triệu chín trăm ngàn đồng) thưởng cho các sinh viên đạt giải (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 3. Giao cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCS HCM) Trường chịu trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan và tổ chức trao thưởng cho các sinh viên đạt giải.

Điều 4. Ban Tổ chức Olympic cấp Trường, Trưởng các Khoa, Trưởng các phòng: KHCN, Tài vụ, Bí thư Ban chấp hành Đoàn TNCS HCM Trường và các sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: HCTH, Tài vụ, KHCN(Nghịp)

lưu

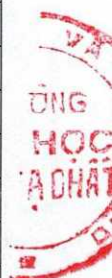


PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH KHEN THƯỞNG SINH VIÊN
ĐOẠT GIẢI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2016
(kèm theo quyết định số 564/QĐ-MĐC ngày 17 /5/2016)

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Ghi chú	Mức thưởng (đ)
I	GIẢI NHẤT (11 giải)				
1	Nguyễn Huy Khánh	Máy & TB Mô K56	Chi tiết máy		300.000
2	Phan Ngọc Sơn	Lọc Hóa dầu A K57	Đại số		300.000
3	Trần Trung Hiếu	Địa chất A K58	Giải tích		300.000
4	Cao Văn Trung	Tin học Trắc địa K59			300.000
5	Nguyễn Văn Cường	Lọc Hóa dầu A K58	Hóa học		300.000
6	Vũ Thị Lan	Kỹ thuật môi trường B K58	Khoa học Mác - Lê nin và TT HCM		300.000
7	Nguyễn Ngọc Định	Khoan - Khai thác A K57	Thủy lực		300.000
8	Trần Mạnh Duy	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		300.000
9	Trần Văn Đồng	Công nghệ phần mềm B K59	Tin học		300.000
10	Nguyễn Đức Mạnh	Công nghệ phần mềm K57			300.000
11	Dương Hùng Cường	Địa vật lý K57	Vật lý		300.000
II	GIẢI NHÌ (36 giải)				
1	Nguyễn Công Bằng	Máy & TB Mô K56	Chi tiết máy		200.000
2	Trần Văn Tuyển	Điện – Điện tử K58	Đại số		200.000
3	Nguyễn Đình Đức	Dầu khí A K60	Giải tích		200.000
4	Trần Văn Hưng	Khoan - Khai thác A K57	Hình họa		200.000
5	Lê Tuấn Anh	Lọc Hóa dầu B K59	Hóa học		200.000
6	Nguyễn Bá Mạnh	Lọc Hóa dầu A K58			200.000
7	Nguyễn Quý Hoàng	Lọc Hóa dầu A K57			200.000
8	Nguyễn Văn Phong	Lọc Hóa dầu B K57			200.000
9	Hoàng Hữu Long	Địa chất công trình B K56	Khoa học Mác - Lê nin và TT HCM		200.000
10	Nguyễn Bùi Minh Ngọc	Lọc Hóa dầu A K57			200.000
11	Nguyễn Minh Ngọc	Khoan - Khai thác B K57	Sức bền vật liệu		200.000
12	Trần Văn Tú	Thiết bị dầu khí K57			200.000
13	Nguyễn Thị Lan Anh	Tuyển khoáng A K57	Thủy lực		200.000
14	Nguyễn Việt Hưng	Chương trình tiên tiến K3	Tiếng Anh K56 +57 +58		200.000
15	Phạm Thị Nga	Chương trình tiên tiến K2			200.000
16	Ngô Văn Khuê	Khoan - Khai thác B K56			200.000
17	Phạm Quỳnh Trang	Địa vật lý K58			200.000
18	Trần Huy Hoàng	Khoan - Khai thác K57		Vũng Tàu	200.000
19	Phạm Thị Minh	Kế toán C K57			200.000
20	Bùi Ngọc Nam	Chương trình tiên tiến K3			200.000

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Ghi chú	Mức thưởng (đ)
21	Vũ Bích Ngọc	Kỹ thuật môi trường K57			200.000
22	Tieng Rathnak	Khai thác A K56			200.000
23	Phạm Xuân Nam Chính	Mạng Máy tính K58			200.000
24	Vũ Quốc Hùng	Địa chất dầu K56			200.000
25	Tô Hữu Thắng	Chương trình tiên tiến K3			200.000
26	Nguyễn Đức Thắng	Chương trình tiên tiến K3			200.000
27	Phạm Hoàng Kim	Khoan - Khai thác K57		Vũng Tàu	200.000
28	Ngô Hồng Phong	Chương trình tiên tiến K5	Tiếng Anh K59		200.000
29	Nguyễn Thành Long	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		200.000
30	Hoàng Thị Thu Trang	Địa chất biển K60			200.000
31	Nguyễn Thái Đại	Tin học Trắc địa K58	Tin học		200.000
32	Phạm Anh Tuấn	Công nghệ phần mềm B K59			200.000
33	Thái Bá Vũ	Khoan - Khai thác B K57			200.000
34	Nguyễn Viết Phụng	Khoan - Khai thác A K57	Vật lý		200.000
35	Nguyễn Hữu Hạnh	Khoan - Khai thác K59		Vũng Tàu	200.000
36	Nguyễn Văn Huỳnh	Khoan - Khai thác A K57			200.000
III	GIẢI BA (26 giải)				
1	Nguyễn Xuân Lê	Khai thác G K56	Cơ lý thuyết		150.000
2	Trần Minh Tuyên	Khai thác A K59	Hình họa		150.000
3	Nguyễn Đình Đức	Lọc Hóa dầu A K58	Hóa học		150.000
4	Đào Văn Khánh	Lọc Hóa dầu B K59			150.000
5	Nguyễn Bá Dương	Khai thác B K57	Khoa học Mác - Lê nin và TT HCM		150.000
6	Trịnh Quốc Huy	Mỏ - Công trình K57			150.000
7	Hoàng Thị Đào	Kế toán B K59			150.000
8	Đỗ Kim Chi	Lọc Hóa dầu K59		Vũng Tàu	150.000
9	Nguyễn Thanh Tùng	XD Hạ tầng cơ sở K57	Sức bền vật liệu		150.000
10	Nguyễn Đăng Vũ Huy			Vũng Tàu	150.000
11	Phạm Tiến Đạt	Khai thác D K58	Thủy lực		150.000
12	Bùi Thị Hằng	ĐCTV B K57			150.000
13	Phạm Thị Oanh	Tuyển khoáng A K58			150.000
14	Đinh Ngọc Hùng	Xây dựng Dân dụng Công nghiệp B K58	Tiếng Anh K56+57+58		150.000
15	Trần Nam Hải	Mạng Máy tính K58			150.000
16	Ngô Công Tuấn Anh	Khoan - Khai thác B K58			150.000
17	Cần Trung Thành	Khoan - Khai thác A K58			150.000
18	Vũ Sơn Tùng	Địa chất công trình B K56			150.000
19	Vũ Hồng Long	Khoan - Khai thác K58			150.000
20	Phạm Hùng Cường	Thiết bị dầu khí K57			150.000
21	Lê Huy Minh	Chương trình tiên tiến K5A	Tiếng Anh K59		150.000



STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Ghi chú	Mức thưởng (đ)
22	Bùi Mai Phương Thảo	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		150.000
23	Nguyễn Trung Tiến	Chương trình tiên tiến K6			150.000
24	Trương Mạnh Hùng	Chương trình tiên tiến K6			150.000
25	Đỗ Thanh Tuấn	Chương trình tiên tiến K6			150.000
26	Trần Tuấn Việt	Địa chất B K60			150.000
IV	GIẢI KHUYẾN KHÍCH (15 giải)				
1	Cao Văn Dũng	Tự động hóa A K58	Đại số		100.000
2	Nguyễn Phương Loan	Lọc Hóa dầu A K59	Cơ lý thuyết		100.000
3	Đào Văn Hiệp	Địa chất công trình A K57	Giải tích		100.000
4	Lê Văn Lâm	Lọc Hóa dầu K58		Vũng Tàu	100.000
5	Lê Thọ Dương	Địa chất thủy văn B K59			100.000
6	Nguyễn Tiến Thọ	Cơ – Điện B K60			100.000
7	Hà Thị Thúy Hằng		Sức bền vật liệu	Vũng Tàu	100.000
8	Đặng Hữu Hiền			Vũng Tàu	100.000
9	Nguyễn Phúc Khánh			Vũng Tàu	100.000
10	Bùi Thị Hoan	Lọc Hóa dầu K59		Vũng Tàu	100.000
11	Trần Văn Đức	Khoan - Khai thác K57		Vũng Tàu	100.000
12	Nguyễn Dương Hòe	Khoan - Khai thác K57		Vũng Tàu	100.000
13	Ngô Văn Hiếu	Chương trình tiên tiến K5	Tiếng Anh K59		100.000
14	Đinh Văn Điệp	XD CT Ngầm và Mỏ K57	Cơ học đất		100.000
15	Đặng Thị Mỹ Linh	Lọc Hóa dầu A K58	Hình họa		100.000

Số **570** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **18** tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen, thưởng cho sinh viên đạt giải
tại kỳ thi Olympic Quốc gia năm 2015 và 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương V "Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên" quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 487/QĐ-MĐC, ngày 08/5/2014;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ - MĐC ngày 25/6/2014 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả thi Olympic Quốc gia năm 2015 và 2016;

Xét đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng KHCN và Trưởng phòng Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khen thưởng cho các sinh viên đạt giải tại kỳ thi Olympic Quốc gia năm 2015 và 2016.

Điều 2. Trích 7.400.000đ (bảy triệu bốn trăm ngàn đồng) trong quỹ khen thưởng của Nhà trường thưởng cho các sinh viên đạt giải (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 3. Giao cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCS HCM) Trường chịu trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan và tổ chức trao thưởng cho các sinh viên đạt giải.

Điều 4. Trưởng các phòng: Khoa học Công nghệ, Tài vụ, Bí thư Ban chấp hành Đoàn TNCS HCM Trường và các sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: HCTH, Tài vụ, KHCN(Nghiệp)

42



PGS.TS Lê Hải An

**DANH SÁCH KHEN, THƯỞNG CHO SINH VIÊN
ĐẠT GIẢI TẠI KỲ THI OLYMPIC QUỐC GIA NĂM 2015 VÀ 2016**
(kèm theo Quyết định số 570/QĐ - MĐC ngày 18/5/2016)

TT	Họ và tên sinh viên	Lớp	Môn thi	Đạt giải	Mức thưởng (đ)	Ghi chú
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT GIẢI TẠI KỲ THI OLYMPIC CƠ HỌC QUỐC GIA 2015						
1	Trần Văn Tú	Thiết bị dầu khí K57	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	
2	Nguyễn Đình Tịnh		Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	Vũng Tàu
3	Trần Văn Đức	Khoan Khai thác A K57	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	
4	Nguyễn Minh Ngọc	Khoan Khai thác B K57	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	
5	Lê Công Hiếu		Cơ học kỹ thuật	Khuyến khích	100.000	
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT GIẢI TẠI KỲ THI OLYMPIC QUỐC GIA 2016						
6	Nguyễn Đình Đức	Dầu khí A K60	Giải tích	Nhì	400.000	
7	Cao Văn Trung	Tin Trắc địa K59	Giải tích	Nhì	400.000	
8	Đỗ Văn Phong	Khoan Khai thác K59	Đại số	Ba	300.000	
9	Cao Văn Dũng	Tự động hóa A K58	Đại số	Ba	300.000	
10	Nguyễn Văn Huynh	Khoan Khai thác A K57	Vật lý	Nhì	400.000	
11	Dương Hùng Cường	Địa vật lý K57	Vật lý	Nhì	400.000	
12	Dương Thị Thúy Nga	Lọc – Hóa dầu K59	Vật lý	Nhì	400.000	
13	Nguyễn Viết Phụng	Khoan Khai thác A K57	Vật lý	Nhì	400.000	
14	Nguyễn Văn Cường	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp A K58	Vật lý	Nhì	400.000	
15	Nguyễn Quý Hoàng	Lọc – Hóa dầu A K57	Hóa học	Nhất	500.000	
16	Lê Tuấn Anh	Lọc – Hóa dầu B K59	Hóa học	Nhì	400.000	
17	Nguyễn Bá Mạnh	Lọc – Hóa dầu A K58	Hóa học	Nhì	400.000	
18	Nguyễn Văn Phong	Lọc – Hóa dầu B K57	Hóa học	Nhì	400.000	
19	Nguyễn Văn Cường	Lọc – Hóa dầu A K58	Hóa học	Nhì	400.000	
20	Nguyễn Phương Loan		Cơ học kỹ thuật	Khuyến khích	100.000	
21	Nguyễn Đức Minh		Cơ học kỹ thuật	Khuyến khích	100.000	
22	Nguyễn Xuân Lê		Cơ học kỹ thuật	Khuyến khích	100.000	
23	Nguyễn Minh Ngọc	Khoan Khai thác B K57	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	

TT	Họ và tên sinh viên	Lớp	Môn thi	Đạt giải	Mức thưởng (đ)	Ghi chú
24	Nguyễn Xuân Lập	Xây dựng CTN A K58	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	
25	Đỗ Đăng Quyết	Xây dựng CTN B K58	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	
26	Nguyễn Thanh Tùng	Xây dựng hạ tầng cơ sở K57	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	
27	Đặng Hữu Hiền	Lọc – Hóa dầu K59	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	Vũng Tàu
28	Hà Thị Thúy Hằng	Lọc – Hóa dầu K58	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	Vũng Tàu
29	Trần Văn Đức	Khoan Khai thác A K57	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	Vũng Tàu
30	Nguyễn Ngọc Định	Khoan Khai thác A K57	Thủy lực	Khuyến khích	100.000	
31	Hoàng Trọng Vọ	Khoan Khai thác A K57	Thủy lực	Khuyến khích	100.000	
32	Nguyễn Công Bằng	Máy và TB Mô K56	Chi tiết máy	Khuyến khích	100.000	
33	Hoàng Văn Sơn	Máy và TB Mô K56	Chi tiết máy	Khuyến khích	100.000	
	Tổng số				7.400.000	

(bằng chữ: Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng)

